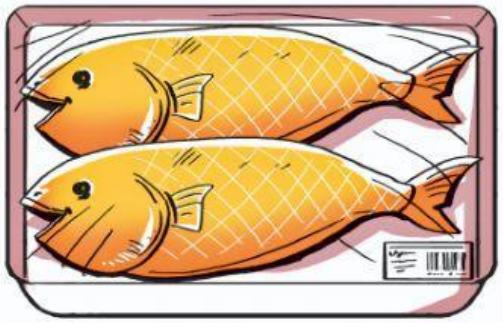
REVIEW 4

SPEAKING

Act as..... | Đóng vai.....

1.

Act as.....	*Mai:*	*Tom:*
Tom:	Where are you going, Mai?	
Mai:	To the supermarket.	
Tom:	What do you want to buy?	
Mai:	My mum wants some fish for dinner. Do you want to come with me?	
Tom:	Yes. Let's go.	

2.

Act as.....	*SA (Sales assistant):*	*Phong:*
Phong:	Excuse me? Can I have a look at the orange T-shirt, please?	
SA:	Here you are.	
Phong:	How much is it?	
SA:	It's 70,000 dong.	

LIVEWORKSHEETS

3.

Act as.....	*B:*	*A:*
A:	What's your phone number?	
B:	It's 0438 531 605.	
A:	Can you say it again?	
B:	0438 531 605.	
A:	Thank you.	

4.

Act as.....	*Peter:*	*Mum:*
(Animal noises - Tiếng ồn từ các con vật)		
Mum:	OK, Peter, what animal do you want to see first?	
Peter:	I want to see zebras.	
Mum:	Why do you like zebras, Peter?	
Peter:	Because they're beautiful.	

LIVEWORKSHEETS

5.

Act as.....	*Linda:*	*Nam:*
Nam:	Summer holidays start next week!	
Linda:	Yes, I love summer holidays. It's a great time.	
Nam:	Where are you going this summer, Linda?	
Linda:	I'm going to Nha Trang.	

6.

Hi. My name is Nam.
My classmates and I are going to have a holiday in Vung Tau next week.
In the morning, we are going to swim in the sea and build sandcastles.
In the afternoon, we are going to play football on the beach.
We are going to have delicious seafood in the evening.
We are going to have a lot of fun there!

LIVEWORKSHEETS

7.

Act as.....	*Mary:*	*Miu:*	*Mr Elephant:*	*SA (Sales Assistant):*



LIVEWORKSHEETS

*NOTE

• want to.....	muốn
• buy	mua
• some	một ít, một chút, một số, một vài
• fish	cá, con cái
• for.....	cho/dành cho.....
• come	đến
• with.....	với.....
• me	tôi
• noise(s)	tiếng ồn ào
• first	đầu tiên, trước tiên
• start	bắt đầu
• next week	tuần tới
• classmate(s)	bạn cùng lớp
• beach(es)	bãi biển
• on the beach	trên bãi biển
• Mr.....	Chú/Ông/Thầy.....
• today	hôm nay
• Don't be.....	Đừng như thế nào đó
• silly	ngốc nghếch, khờ dại
• can't.....	không thể.....
• speak	nói

LIVEWORKSHEETS